

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3341/QĐ-CT ngày 28/11/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn 1 của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn 1 (lần 6);

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn 1 sau khi chỉnh sửa bổ sung báo cáo đề xuất theo ý hội đồng thẩm định của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng tại Văn bản số 432/Group - BQLCDA DIC MB ngày 23/12/2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 07/TTr-STNMT ngày 06/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (Địa chỉ: Số 15 Thi Sách, Phường Thăng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn 1, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn 1

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thanh Trù, phường Khai Quang - thành phố Vĩnh Yên và xã Quất Lưu - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 3500101107 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 13/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 26/02/2021.

1.4. Mã số thuế: 3500101107.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu đô thị.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

* *Phạm vi*: Cơ sở có địa điểm tại xã Thanh Trù, phường Khai Quang - thành phố Vĩnh Yên và xã Quất Lưu - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

* *Quy mô*: Sản phẩm của Cơ sở sau khi hoàn thiện là khu đô thị với các hạng mục như sau: Sân nền: Diện tích 1.905.666 m²; Đất nhà ở: Diện tích 854.204 m², (trong đó: *Biệt thự đơn lập*: Diện tích 199.447 m², gồm 467 ô đất; *Biệt thự song lập*: Diện tích 190.483 m², gồm 649 ô đất); Nhà ở dạng liền kề: Diện tích 293.433 m², gồm 2.342 ô đất; Nhà ở xã hội: Diện tích 170.841 m², gồm 04 lô đất được xây dựng thành 38 công trình đồng dạng.

- Công trình công cộng, dịch vụ thương mại: Khách sạn: Diện tích 18.627m²; Công trình thương mại dịch vụ: Diện tích 15.470 m²; Công trình hỗn hợp: Diện tích 24.477 m²; Công trình giáo dục (*Trường mẫu giáo, nhà trẻ; Trường tiểu học; Trường THCS; Trường THPT*): Diện tích 127.289 m²; Công trình công cộng (*hành chính, thiết chế văn hóa, y tế, công trình văn hóa khác*): Diện tích 9.020 m².

- Hệ thống giao thông (*đường giao thông, bãi đỗ xe*): Diện tích 526.397 m²

- Cây xanh, mặt nước, HTKT (*Đầu mối hạ tầng kỹ thuật*): Diện tích 315.856 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; có biện pháp; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Giấy phép này thay thế cho Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2450/GP-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PCVP;
- Các sở, ngành: TN&MT, Xây dựng, Công Thương, Giao thông Vận tải; Công an tỉnh;
- UBND thành phố Vĩnh Yên;
- UBND huyện Bình Xuyên;
- UBND phường Khai Quang;
- UBND xã Quất Lư;
- Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng;
- Cổng Thông tin điện tử Vĩnh Phúc (đăng tải);
- CV: NN2,3, CN1,2,3;
- Lưu: VT, NN4.

(H- 08 b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Khước

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 113 /GPMT-UBND ngày 11 / 01 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của dân cư, khách hàng và công nhân xây dựng tại các Phân khu 1,2 và 3.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: Toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 125 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý sẽ được dẫn về hồ điều hòa của KĐT để lưu trữ và tạo cảnh quan qua 01 cửa xả. Khi mực nước vượt quá sức chứa của hồ, nước thải sẽ tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của KĐT sau đó xả ra Đầm Vạc qua 01 cửa xả.

2.2. Vị trí xả thải

- Vị trí xả nước thải: Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Tọa độ vị trí cửa xả nước thải (theo hệ tọa độ VN - 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰): Y^{NVY}: X = 2354863.618 Y = 564005.752

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 125 m³/ngày.đêm

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải của Cơ sở xả ra hệ thống tiếp nhận theo phương thức tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24/24 giờ)
- Chất lượng nước trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (hệ số k = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (hệ số k = 1,0)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6
8	Sunfua (tính theo H ₂ S);	mg/l	1,0
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Mạng lưới thu gom nước thải được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy kết hợp các trạm bơm chuyển bậc dẫn nước về hệ thống XLNT tập trung bằng đường ống chính D280 (độ dốc 0.33%), tuyến ống nhánh D225 (độ dốc 0.5%) được đặt dưới vỉa hè 2 bên đường và đường ống dịch vụ uPVC-D110 đặt chờ trước các lô đất. Đối với những đoạn qua đường sử dụng cống thép không rỉ DN300.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy mô, công suất: Hệ thống XLNT công suất 125 m³/ngày.đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ xử lý của hệ thống được tóm tắt như sau:

Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → Hồ ga → Hồ điều hòa → Nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất sử dụng: Nước Javen

1.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố: Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành tạm dừng hoạt động của các máy bơm để sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Khoản 4, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Cơ sở đã có giấy phép môi trường thành phần (*Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2450/GP-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc*) nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục I Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục I Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 113 /GPMT-UBND ngày 17 / 01 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Trong quá trình hoạt động, tiếng ồn và độ rung chủ yếu phát sinh từ khu vực phòng máy của các trung tâm thương mại và nhà ở xã hội. Ngoài ra, tiếng ồn, rung động còn phát sinh từ khu vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Cụ thể các vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung như sau:

TT	Khu vực	Tọa độ (hệ tọa độ VN-2000)	
		X	Y
1	Khu vực nhà điều hành HTXLNT tập trung	2354668.6746	564441.9682
2	Khu nhà ở xã hội (lô E4-29)	2354544.5408	564706.8938
3	Khu nhà ở xã hội (lô E5-14)	2354706.5819	565163.4830
4	Khu nhà ở xã hội (lô D3-22)	2354891.2938	563391.2403
5	Khu nhà ở xã hội (lô D3-20)	2354979.6251	563136.2468
6	Trung tâm thương mại (Phân khu 1)	2354975.6559	564237.8796
7	Trung tâm thương mại (Phân khu 2)	2354786.855	565325.4211

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt
2	70	60	-	Khu vực thông thường

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ồn bằng cách bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý.

- Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công theo đúng quy định.

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, rung cho các máy móc có mức ồn, rung cao như máy phát điện, máy trộn bê tông, ... Tùy theo từng loại máy móc cụ thể để có biện pháp khắc phục như: Kê cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực, vỏ bọc cao su, chân đế giảm thanh,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 113 /GPMT-UBND ngày 17 / 01 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
I	Hoạt động sinh hoạt, văn phòng			
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	1
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	0,5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1,0
II	Hoạt động sinh hoạt và sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị			
1	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18 02 01	2,0
III	Hoạt động chăm sóc cây cảnh			
1	Vỏ bao bì đựng hóa chất bảo vệ thực vật	Rắn	14 01 08	0,3
IV	Hoạt động thi công xây dựng			
1	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18 02 01	2,5
2	Dầu mỡ thải	Lỏng	17 02 03	5,0
3	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	1,5
4	Thùng sơn thải, thùng đựng dầu mỡ thải, chổi quét sơn,...	Rắn	18 01 02 18 01 03	10,0
Tổng số lượng				23,8

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 24.000 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Tại khu dân cư hiện hữu: Khu dân tự chịu trách nhiệm thu gom và lưu giữ CTNH tại từng hộ gia đình vào các thiết bị chuyên dụng.

- Tại Ban QLDA và Nhà quản lý công trường: Thu gom CTNH vào các thùng chứa chuyên dụng có dán nhãn, ghi mã cụ thể.

- Khu lưu giữ tạm thời: Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH có diện tích 10 m².

- Kết cấu: Nhà quay tôn. Nền bê tông chống thấm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn xây dựng thông thường: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải tạm có diện tích khoảng 70m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Tại các hộ gia đình: Các hộ dân tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại rác tại nguồn vào các thùng rác chuyên dụng sau đó vận chuyển ra thùng tác tập trung của KĐT.

- Tại Ban QLDA và Nhà quản lý công trường: Thực hiện thu gom và phân loại rác thải vào các thùng rác chuyên dụng sau đó vận chuyển ra thùng tác tập trung của KĐT.

- Thu gom rác thải tập trung: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình được thu gom tập trung bằng các thùng rác với dung tích 80l đặt trên vỉa hè của KĐT.

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Công trình phòng cháy, chữa cháy: Hoàn thiện các công trình, thiết bị PCCC theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố mất an toàn lao động; mất an toàn giao thông; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải;...

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong báo cáo. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 113 /GPMT-UBND ngày 17 / 01 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

I. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải cải tạo phục hồi môi trường

II. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải cải tạo phục hồi môi trường

III. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐTM

1. Công ty đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 3341/QĐ-CT ngày 28/11/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn 1 của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng, trong đó một số nội dung thay đổi so với Quyết định số 3341/QĐ-CT ngày 28/11/2011 đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung như sau:

- Tiếp tục hoàn thành hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật đối với phần diện tích chưa xây dựng.

- Xây dựng các modul hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng lộ trình và công suất đảm bảo theo quy định cụ thể: giai đoạn 1 modul 1.200 m³/ngđ (hoàn thiện và đưa vào sử dụng năm 2024); giai đoạn 2 modul 1.200 m³/ngđ (hoàn thiện và đưa vào sử dụng năm 2026); giai đoạn 3 modul 1.200 m³/ngđ (hoàn thiện và đưa vào sử dụng năm 2028); giai đoạn 4 modul 1.831 m³/ngđ (hoàn thiện và đưa vào sử dụng năm 2030) với quy trình công nghệ như sau: Nước thải sinh hoạt → Song chắn rác → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể lắng đợt 1 → Bể Aeroten → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Hồ điều hòa → Nguồn tiếp nhận (Đầm Vạc).

3. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Công ty có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh Vĩnh Phúc để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

IV. YÊU CẦU KHÁC

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đợt xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

Trang cuối./.